

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>366.591.402.898</b>	<b>305.289.034.697</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>113.879.314.300</b>	<b>95.228.037.498</b>
1. Tiền	111	V.1	7.879.314.300	15.061.926.387
2. Các khoản tương đương tiền	112		106.000.000.000	80.166.111.111
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>422.306.000</b>	<b>422.306.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	1.423.652.470	1.423.652.470
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(1.001.346.470)	(1.001.346.470)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>84.038.346.166</b>	<b>104.626.743.730</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	69.578.759.139	96.616.514.443
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	6.761.361.601	1.636.474.793
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		8.051.128.895	6.961.043.713
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	9.795.986.241	9.561.600.491
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(10.148.889.710)	(10.148.889.710)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>147.198.619.966</b>	<b>90.263.280.183</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	152.379.133.904	95.443.794.121
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	(5.180.513.938)	(5.180.513.938)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>21.052.816.466</b>	<b>14.748.667.286</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	1.179.814.737	746.362.956
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		13.187.135.464	7.348.870.748
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.11	6.138.739.582	6.138.739.582
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.12	547.126.683	514.694.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE - VẮN PHÒNG TP.HCM**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẮN PHÒNG CÔNG TY**

Quý I năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>89.141.924.062</b>	<b>86.072.402.659</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>28.914.247.773</b>	<b>25.843.540.940</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	18.852.133.452	16.925.546.551
<i>Nguyên giá</i>	222		29.062.958.550	26.865.505.659
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(10.210.825.098)	(9.939.959.108)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.14	4.801.878.929	4.823.341.250
<i>Nguyên giá</i>	228		5.380.992.840	5.380.992.840
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(579.113.911)	(557.651.590)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	5.260.235.392	4.094.653.139
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>25.476.616.962</b>	<b>25.620.730.257</b>
<i>Nguyên giá</i>	241	V.16	28.610.873.830	28.610.873.830
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(3.134.256.868)	(2.990.143.573)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>34.109.723.720</b>	<b>34.177.980.920</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.17	10.440.000.000	10.440.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.18	28.217.301.248	28.285.558.448
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.19	(4.547.577.528)	(4.547.577.528)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>641.335.607</b>	<b>430.150.542</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.20	331.096.703	120.150.542
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		310.238.904	310.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>455.733.326.960</b>	<b>391.361.437.356</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE -VĂN PHÒNG TP.HCM**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Quý 1 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>185.613.535.011</b>	<b>117.156.018.908</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>183.613.535.011</b>	<b>115.156.018.908</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	129.471.566.349	65.032.633.809
2. Phải trả người bán	312	V.22	11.533.423.551	34.219.328.103
3. Người mua trả tiền trước	313	V.23	158.328.895	25.525.151
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.24	269.184.473	404.000.407
5. Phải trả người lao động	315		-	785.033.000
6. Chi phí phải trả	316		2.893.757.094	3.246.213.661
7. Phải trả nội bộ	317		1.033.356.458	1.033.356.458
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	35.617.920.090	2.125.624.365
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.635.998.101	8.284.303.954
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		2.000.000.000	2.000.000.000
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>270.119.791.949</b>	<b>274.205.418.448</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>270.119.791.949</b>	<b>274.205.418.448</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.26	95.699.000.000	95.699.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.26	138.838.371.124	138.838.371.124
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.26	11.025.017.419	11.025.017.419
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.26	24.557.403.406	28.643.029.905
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE -VĂN PHÒNG TP.HCM**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Quý 1 năm 2014

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>455.733.326.960</b>	<b>391.361.437.356</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2014

Người lập biểu



Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng



Phạm Thúy Oanh

Tổng giám đốc

  
Vũ Quốc Vinh

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE-VĂN PHÒNG TP.HCM**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Quý 1 năm 2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý 1 năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		Đơn vị tính: VND
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	48.263.292.760	52.133.230.975	48.263.292.760	52.133.230.975
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL2	267.811.236	133.992.948	267.811.236	133.992.948
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		47.995.481.524	51.999.238.027	47.995.481.524	51.999.238.027
4. Giá vốn hàng bán	11	VL3	45.940.599.963	50.191.706.732	45.940.599.963	50.191.706.732
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.054.881.561	1.807.531.295	2.054.881.561	1.807.531.295
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL4	9.987.155.019	11.889.042.967	9.987.155.019	11.889.042.967
7. Chi phí tài chính	22	VL5	1.468.785.671	518.996.035	1.468.785.671	518.996.035
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.375.570.611	509.288.147	1.375.570.611	509.288.147
8. Chi phí bán hàng	24	VL6	4.138.964.539	2.782.001.504	4.138.964.539	2.782.001.504
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL7	3.136.010.647	3.203.230.825	3.136.010.647	3.203.230.825
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.298.275.723	7.192.345.898	3.298.275.723	7.192.345.898
11. Thu nhập khác	31	VL8	2.316.753.650	458.346.484	2.316.753.650	458.346.484
12. Chi phí khác	32	VL9	130.755.872	36.002.057	130.755.872	36.002.057
13. Lợi nhuận khác	40		2.185.997.778	422.344.427	2.185.997.778	422.344.427
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.484.273.501	7.614.690.325	5.484.273.501	7.614.690.325
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE - VẠN PHÒNG TP.HCM**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẠN PHÒNG CÔNG TY**

Quý 1 năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Quý I		Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	5.484.273.501	7.614.690.325	5.484.273.501	7.614.690.325
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70				

Người lập biểu

Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng

Phạm Thúy Oanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2014



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 1 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		76.902.808.564	65.566.792.229
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(143.906.915.706)	(50.290.637.560)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(9.467.838.923)	(7.168.057.596)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(1.478.370.912)	(509.288.147)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		426.060.966	386.384.357
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(3.331.541.436)	(2.603.940.364)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(80.855.797.447)</b>	<b>5.381.252.919</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		37.677.957.709	50.547.276.648
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>37.677.957.709</b>	<b>50.547.276.648</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE -VĂN PHÒNG TP.HCM**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

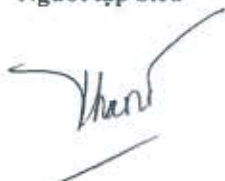
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Quý 1 năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		112.112.223.811	2.730.635.385
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(47.673.291.271)	(31.565.044.578)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.609.816.000)	(3.953.548.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>61.829.116.540</b>	<b>(32.787.957.693)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>18.651.276.802</b>	<b>23.140.571.874</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>95.228.037.498</b>	<b>14.912.561.757</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>113.879.314.300</b>	<b>38.053.133.631</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2014

Người lập biểu



Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng



Phạm Thúy Oanh

Tổng giám đốc



Vũ Quốc Vinh



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2014

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất - thương mại
3. Ngành nghề kinh doanh : Thiết kế sản xuất, gia công lắp ráp và kinh doanh các mặt hàng điện tử dân dụng; Cho thuê nhà xưởng, kho bãi; Đại lý ký gửi hàng hóa; Tư vấn và thiết kế phần mềm máy tính cũng như mạng máy tính.

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán  
Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2014.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : đồng Việt Nam (VND)

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

#### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TIE - VẤN PHÒNG TP.HCM

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Quý I năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp tính giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

#### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08-50
Máy móc và thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5

#### 6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.



## 7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư là các quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao là 50 năm.

## 8. Tài sản cố định vô hình

### *Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 10 năm.

### *Bản quyền phần mềm máy tính*

Bản quyền phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để mua bản quyền sử dụng phần mềm Microsoft. Chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không tính khấu hao đối với diện tích 173,3 m<sup>2</sup> đất tại 249 Nguyễn Trung Trực, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang và diện tích 70,4 m<sup>2</sup> đất tại tổ 74, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.

## 9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

## 10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các công ty liên kết được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

## 11. Chi phí trả trước dài hạn

### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TIE - VẤN PHÒNG TP.HCM

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Quý I năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

### 12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

### 13. Dự phòng trợ cấp thôi việc và Bảo hiểm thất nghiệp

Công ty chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương ( nếu có ) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải chi trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

### 14. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

### 15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

### 16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TIE -VĂN PHÒNG TP.HCM

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Quý 1 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### 17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

### 18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

#### *Doanh thu gia công*

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

### 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII



**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE -VĂN PHÒNG TP.HCM**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Quý I năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/03/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Tiền mặt	276.099.538	517.836.284
Tiền gửi ngân hàng	7.603.214.762	14.544.090.103
Các khoản tương đương tiền	106.000.000.000	80.166.111.111
<b>Cộng</b>	<b>113.879.314.300</b>	<b>95.228.037.498</b>

**2. Đầu tư ngắn hạn**

	<u>31/03/2014</u>		<u>01/01/2014</u>	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cty CP XD-KD Địa ốc Hòa Bình (HBC)	15	60.000	15	60.000
NH TM CP Sài Gòn Thương Tín (STB)	22.805	443.592.470	22.805	443.592.470
Cty CP CK Đại Việt	20.000	980.000.000	20.000	980.000.000
<b>Cộng</b>		<b>1.423.652.470</b>		<b>1.423.652.470</b>

**3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn**

	<u>31/03/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(1.001.346.470)	(1.001.346.470)

**4. Phải thu khách hàng**

	<u>31/03/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Cty TNHH Điện Tử Samsung Vina	531.332.987	728.500.715
Cty TNHH Giấy Vĩnh Tiến	-	12.708.552.005
Cty Cổ Phần Giấy Vĩnh Tiến	17.265.091.407	-
Trung Tâm Nghiên Cứu và Đào Tạo Thiết Kế Vi Mạch	-	6.001.060.000
Phải thu các khách hàng khác	51.782.334.745	77.178.401.723
<b>Cộng</b>	<b>69.578.759.139</b>	<b>96.616.514.443</b>

**5. Trả trước cho người bán**

	<u>31/03/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Cty TNHH TM Sài Gòn CO.OP Rạch Giá	1.000.000.000	-
Avnet Asia Pte Ltd.	504.870.500	252.116.460
Velk Trading Corporation	424.385.286	-
Xiamen Jijing Electronics CO.,LTD	754.756.803	388.964.054
Cty TNHH Bảo Quân	1.913.595.584	31.350.000
Trả trước cho người bán khác	2.163.753.428	964.044.279
<b>Cộng</b>	<b>6.761.361.601</b>	<b>1.636.474.793</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE - VÃN PHÒNG TP.HCM**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÃN PHÒNG CÔNG TY**

Quý I năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

**6. Các khoản phải thu khác**

	<u>31/03/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Bảo hiểm xã hội phải thu	32.156.761	16.324.651
Công ty chứng khoán Ngân hàng Đông Á	15.665.662	1.032.391
Công ty CP Viễn thông Thế hệ mới (NGT Cor.)(* )	3.210.000.000	3.210.000.000
Phạm Văn Hoàng ( ** )	5.866.264.573	5.866.264.573
Các khoản phải thu khác	671.899.245	467.978.876
<b>Cộng</b>	<b>9.795.986.241</b>	<b>9.561.600.491</b>

(\* )Khoản phải thu Công ty Cổ phần Viễn thông thế hệ mới NGT đã được lập dự phòng từ năm 2008 do khó có khả năng thu hồi.

(\* \*)Khoản phải thu Phạm Văn Hoàng liên quan đến lô hàng bị thất thoát tại Chi nhánh Hà Nội và đã lập dự phòng do khó có khả năng thu hồi.

**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<u>31/03/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
<i>Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán</i>		
Khoản phải thu Lê Nguyễn Vũ	(35.000.000)	(35.000.000)
Khoản phải thu Cty CP thế hệ mới NGT	(3.210.000.000)	(3.210.000.000)
Khoản phải thu Phạm Văn Hoàng	(5.879.892.055)	(5.879.892.055)
Khoản phải thu Cty CP Điện máy - Máy tính Viễn Thông Hợp Nhất	(139.430.001)	(139.430.001)
Các khách hàng khác	(884.567.654)	(884.567.654)
<b>Cộng</b>	<b>(10.148.889.710)</b>	<b>(10.148.889.710)</b>

**8. Hàng tồn kho**

	<u>31/03/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Nguyên liệu, vật liệu	565.362.028	1.389.249.651
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	89.593.295	129.008.176
Thành phẩm	1.653.728.002	971.184.846
Hàng hóa	150.070.450.579	92.954.351.448
<b>Cộng</b>	<b>152.379.133.904</b>	<b>95.443.794.121</b>

**9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

	<u>31/03/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	(5.180.513.938)	(5.180.513.938)

**10. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Đầu kỳ</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển</u>	<u>Cuối kỳ</u>
	<u>01/01/2014</u>		<u>trong kỳ</u>	<u>31/03/2014</u>
Chi phí thuê kho, nhà tại Chi nhánh	478.797.412	628.649.998	284.868.916	822.578.494
Chi phí trả trước khác	267.565.544	228.073.417	138.402.718	357.236.243
<b>Cộng</b>	<b>746.362.956</b>	<b>856.723.415</b>	<b>423.271.634</b>	<b>1.179.814.737</b>

**11. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>31/03/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Tạm ứng	547.126.683	514.694.000
<b>Cộng</b>	<b>547.126.683</b>	<b>514.694.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE -VĂN PHÒNG TP.HCM**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Quý 1 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

**12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền thông	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
1. Số đầu kỳ	20.018.470.793	1.168.895.257	4.572.305.496	1.105.834.113	26.865.505.659
2. Tăng trong kỳ		-	2.259.009.091	48.435.600	2.307.444.691
<i>Trong đó</i>					-
<i>Mua mới</i>			2.259.009.091	48.435.600	2.307.444.691
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	109.991.800	109.991.800
<i>Trong đó</i>	-				-
<i>Thanh lý</i>				109.991.800	109.991.800
<b>4. Số cuối kỳ</b>	<b>20.018.470.793</b>	<b>1.168.895.257</b>	<b>6.831.314.587</b>	<b>1.044.277.913</b>	<b>29.062.958.550</b>
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	917.684.482	548.147.166	255.000.000	717.731.729	2.438.563.377
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu kỳ	6.388.377.458	582.112.148	2.197.542.222	771.927.280	9.939.959.108
Tăng trong kỳ	182.063.332	22.254.678	123.326.825	18.648.268	346.293.103
Giảm trong kỳ				75.427.113	75.427.113
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>6.570.440.790</b>	<b>604.366.826</b>	<b>2.320.869.047</b>	<b>715.148.435</b>	<b>10.210.825.098</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu kỳ	13.630.093.335	586.783.109	2.374.763.274	333.906.833	16.925.546.551
Số cuối kỳ	13.448.030.003	564.528.431	4.510.445.540	329.129.478	18.852.133.452

**13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm QTDN	Quyền sử dụng đất	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	858.492.840	4.522.500.000	5.380.992.840
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>858.492.840</b>	<b>4.522.500.000</b>	<b>5.380.992.840</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu kỳ	557.651.590	-	557.651.590
Tăng trong kỳ	21.462.321	-	21.462.321
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>579.113.911</b>	<b>-</b>	<b>579.113.911</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	300.841.250	4.522.500.000	4.823.341.250
Số cuối kỳ	279.378.929	4.522.500.000	4.801.878.929



**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE - VẠN PHÒNG TP.HCM**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẠN PHÒNG CÔNG TY**

Quý 1 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính vạn phòng (tiếp theo)

**14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu kỳ 01/01/2014	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển trong kỳ	Số cuối kỳ 31/03/2014
Khu giải trí và hàng lưu niệm CNPQ	4.004.630.545	1.073.608.364	-	5.078.238.909
Trung tâm điều hành du lịch		91.973.889	-	91.973.889
Khác	90.022.594	-	-	90.022.594
<b>Cộng</b>	<b>4.094.653.139</b>	<b>1.165.582.253</b>	<b>-</b>	<b>5.260.235.392</b>

**15. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

	Số đầu kỳ 01/01/2014	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ 31/03/2014
Nguyên giá	28.610.873.830	-	-	28.610.873.830
Giá trị hao mòn	2.990.143.573	144.113.295	-	3.134.256.868
Giá trị còn lại	25.620.730.257			25.476.616.962

**Bất động sản đầu tư gồm:**

- Quyền sử dụng thửa đất tại đường Dương Đông – An Thới, khu phố 7, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang với tổng diện tích 7.825,9 m<sup>2</sup>. Thời gian sử dụng đất là 50 năm kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2007 đến ngày 10 tháng 12 năm 2057.
- Quyền sử dụng đất đối với 38.887,9 m<sup>2</sup> đất tại phường Bình Chuẩn, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương với thời gian sử dụng đất là 50 năm.

**16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

	31/03/2014		01/01/2014	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty CP Đầu Tư TIE-EXIM		10.440.000.000		10.440.000.000
<b>Cộng</b>		<b>10.440.000.000</b>		<b>10.440.000.000</b>

\* Theo Giấy chứng nhận số 0311278495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư TIE – EXIM 10.440.000.000 VND, tương đương 29% vốn điều lệ. Công ty đã đầu tư bằng các khoản chi hộ, tiền mặt và giá trị chi phí đền bù giải phóng mặt bằng.

**17. Đầu tư dài hạn khác**

Đầu tư cổ phiếu	31/03/2014		01/01/2014	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
NH TMCP Xuất nhập khẩu VN	730.078	8.182.728.448	730.078	8.182.728.448
Cty CP vận chuyển Saigon Tourist	58.212	603.120.000	58.212	603.120.000
Cty CP DV Bưu chính VT Sài Gòn	1.431.327	8.674.710.000	1.431.327	8.674.710.000
Cty CP BĐS Sài Gòn Đông Dương	850.000	8.500.000.000	850.000	8.500.000.000
Cty CP Văn hóa Tân Bình	39.675	2.256.742.800	40.875	2.325.000.000
<b>Cộng</b>		<b>28.217.301.248</b>		<b>28.285.558.448</b>

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

- Cổ phiếu Cty CP Văn hóa Tân Bình giảm do trong kỳ bán 1.200 CP



**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE - VẤN PHÒNG TP.HCM**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG CÔNG TY**

Quý I năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

**18. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	<u>31/03/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	(4.547.577.528)	(4.547.577.528)

**19. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số đầu kỳ 01/01/2014</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>K/chuyển vào cphí SX trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ 31/03/2014</u>
Chi phí sửa chữa cải tạo kho	0	249.514.000	31.189.251	218.324.749
Chi phí phân bổ CCDC dài hạn	120.150.542	14.336.364	21.714.952	112.771.954
<b>Cộng</b>	<b>120.150.542</b>	<b>263.850.364</b>	<b>52.904.203</b>	<b>331.096.703</b>

**20. Tài sản dài hạn khác**

	<u>31/03/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Ký cược, ký quỹ dài hạn	310.238.904	310.000.000
<b>Cộng</b>	<b>310.238.904</b>	<b>310.000.000</b>

**21. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>31/03/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Vay ngắn hạn NHTM cổ phần Công thương VN - CN TPHCM	65.665.694.141	65.032.633.809
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phương Đông	63.805.872.208	-
	<b>129.471.566.349</b>	<b>65.032.633.809</b>

Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để phục vụ kế hoạch kinh doanh năm 2014 thông qua Hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 13.185002/HĐTDHM ngày 10 tháng 06 năm 2013. Hai bên thỏa thuận nội dung hạn mức cho vay không có đảm bảo bằng tài sản tương đương là 70 tỷ VND (bao gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi) với lãi suất là lãi suất công bố tại thời điểm nhận nợ.

Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Phương Đông để phục vụ kế hoạch kinh doanh năm 2014 thông qua Hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 111.14.00003/2014/HĐTDHM ngày 20 tháng 03 năm 2014. Hai bên thỏa thuận nội dung hạn mức cho vay có đảm bảo bằng tài sản tương đương là 94 tỷ VND (bao gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi) với lãi suất là lãi suất công bố tại thời điểm nhận nợ.

**22. Phải trả người bán**

	<u>31/03/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Công ty Điện tử Samsung Vina	229.208.540	19.506.629.051
Phải trả các nhà cung cấp khác	11.304.215.011	14.712.699.052
<b>Cộng</b>	<b>11.533.423.551</b>	<b>34.219.328.103</b>

**23. Người mua trả tiền trước**

	<u>31/03/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Cty TNHH TM - DV Điện Tử Hồng Nhân	5.500.635	5.500.635
Cty TNHH Công Nghệ Thông Tin Nóng Đỏ	122.000.040	
Khách hàng khác	30.828.220	20.024.516
<b>Cộng</b>	<b>158.328.895</b>	<b>25.525.151</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE -VĂN PHÒNG TP.HCM**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Quý 1 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

**24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu kỳ 01/01/2014	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ 31/03/2014
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.087.270.083	1.087.270.083	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	66.002.866	66.002.866	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	(6.138.739.582)			(6.138.739.582)
- Thuế thu nhập cá nhân	404.000.407	239.671.446	374.487.380	269.184.473
- Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>(5.734.739.175)</b>	<b>1.396.944.395</b>	<b>1.531.760.329</b>	<b>(5.869.555.109)</b>

**25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/03/2014	01/01/2014
Kinh phí công đoàn	30.411.822	163.952.106
Chi Cổ tức Cho Cổ Đông	7.331.281.857	503.551.857
Thù lao của Hội đồng quản trị	450.169.299	1.350.469.299
Các khoản phải trả khác	27.806.057.112	107.651.103
<b>Cộng</b>	<b>35.617.920.090</b>	<b>2.125.624.365</b>

**26. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu kỳ ( 01/01/2014 )	95.699.000.000	138.838.371.124	11.025.017.419	28.643.029.905
Lợi nhuận tăng trong kỳ				5.484.273.501
Chia cổ tức năm 2013				9.569.900.000
Trích lập các quỹ trong năm				
<b>Số dư cuối kỳ ( 31/03/2014 )</b>	<b>95.699.000.000</b>	<b>138.838.371.124</b>	<b>11.025.017.419</b>	<b>24.557.403.406</b>

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

		Tỷ lệ (%)
Vốn đầu tư của Nhà nước	66.989.300.000	70%
Vốn góp của các cổ đông	28.709.700.000	30%
<b>Cộng</b>	<b>95.699.000.000</b>	<b>100%</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE -VĂN PHÒNG TP.HCM**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Quý 1 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
<b>Doanh thu bán ra bên ngoài</b>	<b>45.898.820.461</b>	<b>49.477.479.238</b>
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	44.473.553.708	48.610.347.292
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	433.619.882	693.781.401
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	984.737.781	172.841.454
- <i>Doanh thu khác</i>	6.909.090	509.091
<b>Doanh thu nội bộ</b>	<b>2.364.472.299</b>	<b>2.655.751.737</b>
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	2.223.687.453	2.545.224.493
- <i>Doanh thu biếu tặng</i>	140.784.846	110.527.244
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>267.811.236</b>	<b>133.992.948</b>
- <i>Hàng bán bị trả lại</i>	267.811.236	133.992.948
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>47.995.481.524</b>	<b>51.999.238.027</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Giá vốn thành phẩm đã cung cấp	492.923.538	815.242.105
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	42.619.492.148	47.048.870.618
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	758.378.237	-
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp nội bộ	2.069.806.040	2.327.594.009
<b>Cộng</b>	<b>45.940.599.963</b>	<b>50.191.706.732</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.570.793.063	77.500.000
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	16.361.956	70.767.321
Lãi đầu tư cổ phiếu	-	38.400.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.400.000.000	11.701.526.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	849.646
<b>Cộng</b>	<b>9.987.155.019</b>	<b>11.889.042.967</b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Chi phí lãi vay	1.375.570.611	509.288.147
Lỗ chênh lệch tỷ giá	39.589.396	12.723.786
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	52.577.200	(3.015.898)
Khác	1.048.464	-
<b>Cộng</b>	<b>1.468.785.671</b>	<b>518.996.035</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE -VĂN PHÒNG TP.HCM**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Quý 1 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.943.376.996	1.209.559.040
Chi phí công cụ, dụng cụ	10.366.005	13.951.505
Chi phí dụng cụ bán hàng	179.034.842	22.212.149
Chi phí khấu hao tài sản cố định	202.922.670	160.980.427
Chi phí bảo hành	64.276.754	53.012.692
Chi phí dịch vụ mua ngoài	532.552.006	517.194.542
Chi phí khác	1.206.435.266	805.091.149
<b>Cộng</b>	<b>4.138.964.539</b>	<b>2.782.001.504</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.154.643.930	1.130.493.977
Chi phí vật liệu quản lý	35.867.714	21.082.414
Chi phí đồ dùng văn phòng	26.983.554	61.658.537
Chi phí khấu hao tài sản cố định	243.336.650	247.384.482
Thuế, phí và lệ phí	36.626.909	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	240.622.825	161.530.034
Chi phí khác	1.397.929.065	1.576.081.381
<b>Cộng</b>	<b>3.136.010.647</b>	<b>3.203.230.825</b>

**7. Thu nhập khác**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Thu hỗ trợ tiền bán hàng từ nhà sản xuất	2.311.041.178	422.345.089
Thu khác	5.712.472	36.001.395
<b>Cộng</b>	<b>2.316.753.650</b>	<b>458.346.484</b>

**8. Chi phí khác**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản nhượng bán, thanh lý	34.564.687	-
Chi phí khác	96.191.185	36.002.057
<b>Cộng</b>	<b>130.755.872</b>	<b>36.002.057</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt***

Các thành viên quản lý chủ chốt có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE - VÂN PHÒNG TP.HCM**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÂN PHÒNG CÔNG TY**

Quý 1 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính vân phòng (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Tiền lương	270.060.000	293.048.214
Tiền thưởng	399.100.000	436.487.819
Tiền thù lao	485.000.000	344.750.000
<b>Cộng</b>	<b>1.154.160.000</b>	<b>1.074.286.033</b>

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

**Bên liên quan**

Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina  
 Công ty Cổ phần Đầu tư TIE -EXIM  
 Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV

**Mối quan hệ**

Công ty liên kết ( Công ty đã chuyển  
 nhượng khoản đầu tư này trong năm 2013 )  
 Công ty liên kết  
 Công ty mẹ

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
<b>Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina</b>		
Mua hàng	77.942.955.021	31.673.892.418
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.409.724.868	2.225.850.206
Lợi nhuận được hưởng	8.400.000.000	11.100.000.000
Thu hỗ trợ	1.926.085.200	42.709.195
<b>Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV</b>		
Lãi vay	-	180.555.556

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina</b>		
Tiền hàng	531.332.987	728.500.715
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>531.332.987</b>	<b>728.500.715</b>
<b>Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina</b>		
Phải trả tiền mua hàng	229.208.540	19.506.629.051
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>229.208.540</b>	<b>19.506.629.051</b>

Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản phải thu từ các bên liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2014

Người lập biểu



Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng



Phạm Thúy Oanh

Tổng Giám đốc




Vũ Quốc Vinh





**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**  
52 Thành Thái, Q.10, TP. HCM  
Tel: 08.8330855 Fax: 08.8332754  
http://www.tie.com.vn

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~134~~ <sup>1479</sup> CV-TIE14

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 04 năm 2014

V/v giải trình lợi nhuận sau thuế của Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty quý I năm 2014

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN  
TP. HỒ CHÍ MINH

**ĐẾN** Số: 1479 Kính gửi: .....  
Ngày: 21/4/14 .....  
Chuyển: MV .....  
Lưu hồ sơ số: .....  
Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của tổ chức niêm yết theo quy định tại Thông

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

tư 52/2012/TT-BTC hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, **CÔNG TY CỔ PHẦN TIE** giải trình sự chênh lệch Lợi nhuận sau thuế của Quý I năm 2014 so với cùng kỳ năm 2013 trong Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Quý 1 năm 2014	Quý 1 năm 2013	Chênh lệch	
			Giá trị	Tỷ lệ %
Tổng doanh thu	60.299.390.193	64.346.627.478	- 4.047.237.285	- 6,28%
Tổng chi phí	54.815.116.692	56.731.937.153	- 1.916.820.461	- 3,37%
Lợi nhuận trước thuế	5.484.273.501	7.614.690.325	- 2.130.416.824	- 27,97%
Lợi nhuận sau thuế	5.484.273.501	7.614.690.325	- 2.130.416.824	- 27,97%

Lợi nhuận sau thuế của quý I năm 2014, giảm 2.130 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2013. Nguyên nhân là do :

- + Tổng doanh thu giảm 4.047 triệu đồng do doanh thu bán hàng giảm 4.004 triệu đồng, doanh thu tài chính giảm 1.902 triệu đồng, thu nhập khác tăng 1.858 triệu đồng
- + Tổng chi phí giảm 1.916 triệu đồng do giá vốn hàng bán giảm 4.251 triệu đồng, chi phí bán hàng tăng 1.356 triệu đồng, chi phí tài chính lãi vay tăng 866 triệu đồng.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như trên
- P.ĐTDA, P.KT, Lưu

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



**Tổng Giám Đốc**  
**VŨ QUỐC VINH**